

NHÀ Ở XÃ HỘI HÙNG VƯƠNG - TIỀN CHÂU
BẢNG GIÁ CHI TIẾT NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC DỰ ÁN XH1, XH2
(Kèm theo quyết định số 1010/QĐ-TL ngày 10/10/2025)

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5x6x7)	(9)=(8x4)	(10)=(9x5%)	(11)=(9+10)	(12)
1	201	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
2	202	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
3	203	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
4	204	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
5	205	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
6	206	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
7	207	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,000	14.626.000	526.536.000	26.327.000	552.863.000	Căn giữa
8	208	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
9	209	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
10	210	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
11	211	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
12	212	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
13	212A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
14	214	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
15	215	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,000	14.626.000	716.674.000	35.834.000	752.508.000	Căn giữa
16	216	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
17	301	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
18	302	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
19	303	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
20	304	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
21	305	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
22	306	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
23	307	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	531.792.000	26.590.000	558.382.000	Căn giữa
24	308	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
25	309	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
26	310	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
27	311	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
28	312	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
29	312A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
30	314	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
31	315	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	723.828.000	36.191.000	760.019.000	Căn giữa
32	316	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
33	401	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
34	402	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
35	403	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
36	404	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
37	405	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
38	406	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
39	407	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,000	14.626.000	526.536.000	26.327.000	552.863.000	Căn giữa
40	408	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
41	409	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
42	410	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
43	411	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
44	412	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
45	412A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,000	19.562.000	1.222.625.000	61.131.000	1.283.756.000	Căn góc
46	414	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
47	415	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,000	14.626.000	716.674.000	35.834.000	752.508.000	Căn giữa
48	416	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,000	18.282.000	1.206.612.000	60.331.000	1.266.943.000	Căn giữa
49	501	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
50	502	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
51	503	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
52	504	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
53	505	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
54	506	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
55	507	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	531.792.000	26.590.000	558.382.000	Căn giữa
56	508	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
57	509	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
58	510	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
59	511	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
60	512	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
61	512A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
62	514	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
63	515	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	723.828.000	36.191.000	760.019.000	Căn giữa
64	516	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
65	601	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
66	602	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
67	603	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
68	604	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
69	605	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
70	606	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
71	607	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	531.792.000	26.590.000	558.382.000	Căn giữa
72	608	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
73	609	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
74	610	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
75	611	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
76	612	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
77	612A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
78	614	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
79	615	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	723.828.000	36.191.000	760.019.000	Căn giữa
80	616	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
81	701	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
82	702	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
83	703	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
84	704	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
85	705	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
86	706	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
87	707	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	0,980	14.333.000	515.988.000	25.799.000	541.787.000	Căn giữa
88	708	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
89	709	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
90	710	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
91	711	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
92	712	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
93	712A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
94	714	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
95	715	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	0,980	14.333.000	702.317.000	35.116.000	737.433.000	Căn giữa
96	716	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
97	801	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
98	802	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
99	803	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
100	804	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
101	805	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
102	806	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
103	807	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	531.792.000	26.590.000	558.382.000	Căn giữa
104	808	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
105	809	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
106	810	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
107	811	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
108	812	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
109	812A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	1,010	19.757.000	1.234.813.000	61.741.000	1.296.554.000	Căn góc
110	814	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa
111	815	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	1,010	14.772.000	723.828.000	36.191.000	760.019.000	Căn giữa
112	816	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	1,010	18.465.000	1.218.690.000	60.935.000	1.279.625.000	Căn giữa

STT	Số hiệu căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích (m ²)	Đơn giá bán bình quân (đồng/m ²)	Hệ số căn	Hệ số tầng	Đơn giá bán trước thuế GTGT (đồng/m ²)	Thành tiền trước thuế GTGT (đồng)	Thuế GTGT 5% (đồng)	TỔNG CỘNG (đồng)	Ghi chú
113	901	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
114	902	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
115	903	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
116	904	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
117	905	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
118	906	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
119	907	CH-D	36,00	18.282.000	0,800	0,980	14.333.000	515.988.000	25.799.000	541.787.000	Căn giữa
120	908	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
121	909	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
122	910	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
123	911	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
124	912	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
125	912A	CH-A	62,50	18.282.000	1,070	0,980	19.171.000	1.198.188.000	59.909.000	1.258.097.000	Căn góc
126	914	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
127	915	CH-C	49,00	18.282.000	0,800	0,980	14.333.000	702.317.000	35.116.000	737.433.000	Căn giữa
128	916	CH-B	66,00	18.282.000	1,000	0,980	17.916.000	1.182.456.000	59.123.000	1.241.579.000	Căn giữa
(Giá bán trên chưa bao gồm 2% phí bảo trì)											